

# Người Phật Tử và Con Đường Tu Phật

*Phạm Kim Khánh*  
Seattle, USA, 2004

## [I]

Người mới bắt đầu nghe một vài lời hay đọc một vài đoạn kinh sách đề cập đến giáo lý nhà Phật đôi khi cảm nghe thích thú và phát tâm muốn được Giáo Pháp dẫn dắt đi xuyên qua kiếp sống. Người ấy tự nghĩ rằng muốn thật sự thực hành thì phải bước vào trong cuộc, không thể "đứng bên ngoài hàng rào".

Từ ngàn xưa, trong các quốc gia Phật Giáo trên thế giới, người Phật tử bước chân vào tôn giáo mình chọn bằng một lễ gọi là Quy Y Tam Bảo. Nơi đây người thọ lễ Tam Quy thành tâm phát nguyện nhận ba ngôi báu: Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo, là hướng dẫn tinh thần toàn hảo, là lý tưởng cao cả, nương tựa châu toàn, là biểu tượng quý báu xứng đáng nhất để cho mình tôn kính, và tự nguyện cống hiến trọn cuộc sống của mình đến Tam Bảo, trong ý nghĩa là trọn đời luôn luôn tuân hành lời dạy vàng ngọc của Phật, Pháp, Tăng. Quy Y Tam Bảo là bước tiến đầu tiên vào bên trong công chùa.

Tại sao cần phải trở về nương tựa nơi Tam Bảo? Thế gian mà ta đang sống trong đó có thật sự đầy hiểm họa không?

Có người không thấy cuộc sống trên thế gian là hiểm nguy, và do đó, không thấy cần phải có một nương tựa. Họ vui vẻ mãn nguyện với những hạnh phúc ảo huyền, phù du tạm bợ, của đời sống và tự nghĩ rằng thế gian này quả thật tốt đẹp. Họ không thể nhìn xa hơn, không thể nhìn vượt qua chân trời hạn hẹp của mình. Đối với hạng người này không có ai thánh thiện, không ai là Phật, không có vị giáo chủ hay vị lãnh đạo tinh thần nào trên thế gian.

Nhưng đa số nhân loại thì, xuyên qua kinh nghiệm của chính bản thân họ, hiểu biết rõ ràng phần đen tối phủ phàng ẩn núp dưới lớp mặt nạ thân thiện của kiếp nhân sinh. Trước mắt họ, đời sống xem hình như một đại dương mênh mông sâu thẳm, đầy hiểm họa và đau khổ [*về điểm "hiểm họa và đau khổ", xin xem phần "Đặc Tướng Đau Khổ", trong quyển sách này*]. Trên mặt nước, chúng sanh bơi lội, lặn hụp, hay cời thuyền lướt sóng đi quanh đi quẩn. Vài người hành diện với số phận mình. Đúng rằng có những lúc trời êm biển lặng thật là thích thú. Nhưng những ai mở mắt để nhìn đời và mở rộng tâm trí suy tư để khỏi bị bề mặt giả dối của thế gian phỉnh gạt, có thể nhận định rằng bão tố có thể nổi lên bất cứ lúc nào, những luồng nước lũ có thể xoáy tròn nguy hiểm như thế nào, và bao nhiêu hiểm họa khác tiềm tàng sâu ẩn trong lòng biển cả đang chờ đợi. Bị lôi cuốn, lăn trôi theo những thăng trầm của một thế gian biến đổi vô cùng tận át không thể tìm ra hạnh phúc vững bền, mà mãi mãi triền miên lặp đi lặp lại những kiếp sống khổ đau thật là đáng sợ.

Trong hoàn cảnh nguy kịch tương tự, một nương tựa quả thật là cần thiết, và từ trong thâm tâm ta quyết đi tìm một nương tựa châu toàn.

### **Nương Tựa Châu Toàn**

Một câu chuyện thuật rằng vào thuở nọ Đức Phật ngự tại thành Sāvattthi (Xá Vệ). Lúc ấy Vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) đến hầu Phật, và sau khi đánh lễ xong, vua ngồi lại một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

-- Tàu Đại Vương, Ngài đến đây có việc gì không?

-- Bạch Hóa Đức Thế Tôn, từ bấy lâu nay con hết sức bận rộn với những công việc mà thường làm bận tâm hàng vua chúa -- các nhà vua dòng quý phái, các nhà vua say đắm trong độ được của quyền thế, các nhà vua để đuôi lăn trôi theo nhục dục ngũ trần, các nhà vua đã tạo nên cảnh thanh bình trong vương quốc mình và sống với tư cách người chiến thắng, trị vì một vùng đất rộng lớn.

-- Tàu Đại Vương, trong câu chuyện sau đây Đại Vương nghĩ thế nào? Thí dụ như có người kia từ phương Tây chạy về đến Ngài, một người trung thành, đáng tin cậy, và người ấy thông báo: "Tàu Lệnh Hoàng Thượng, kẻ hạ thân từ các châu quận ở hướng Tây chạy về để tâu lên Lệnh Thánh Hoàng rằng có một ngọn núi to lớn và cao chót vót tận trời, đang di chuyển dần đến và trên đường di chuyển, cả nghiêng tan nát tất cả. Cúi xin Bệ Hạ am tường và lo liệu," Và có những người khác, từ hướng Đông, hướng Nam và người từ hướng Bắc, tất cả đều trung thành và đáng tin cậy, cũng về báo động như vậy. Tàu Đại Vương, từ bốn phía có bốn ngọn núi khổng lồ vồn vập tràn tới. Nghe như vậy thì Đại Vương vô cùng kinh sợ. Tiêu diệt kiếp sống làm người quả thật khủng khiếp. Tái sanh trở lại vào cảnh người quả thật hy hữu, bây giờ Đại Vương phải làm thế nào?

-- Bạch Hóa Đức Thế Tôn, tiêu diệt kiếp sống làm người quả thật vô cùng khủng khiếp, tái sanh trở lại làm người quả thật rất khó, bây giờ con có thể làm cách nào khác hơn là cố gắng sống một cuộc sống chân chánh, công minh chánh trực, và làm những việc thiện, tạo phước.

-- Tàu Đại Vương, xin Đại Vương lắng nghe. Tuổi già và sự chết đang lặn vào tràn tới! Vì tuổi già và sự chết tràn ngập, lặn xả tuông vào, Đại Vương phải làm thế nào?

-- Bạch Hóa Đức Thế Tôn, những việc như xua voi, ngựa, chiến xa, và quân lính vào chiến tranh, những việc hăng làm bận tâm hàng vua chúa -- những việc ấy không thể làm gì để ngăn chống tuổi già và sự chết. Bạch Hóa Đức Thế Tôn, trong triều có những vị quân sư tài giỏi, bùa phép cao cường, có thể ngăn ngừa cả đội binh địch. Trong quốc khổ, Bạch Hóa Đức Thế Tôn, có vô số vòng vàng châu báu được tàng trữ đầy kho, dư đủ để chống đỡ mọi chiến lược tài chánh. Tuy nhiên, bùa phép và tài sản ấy không thể cản ngăn sự chết và tuổi già đang tràn ngập lặn vào đến con. Bây giờ con có thể làm cách nào khác hơn là cố gắng sống cuộc sống chân chánh, công minh chánh trực, và làm những việc thiện, tạo phước.

-- Đúng vậy. Tàu Đại Vương, đúng như vậy... và Đức Phật mở lời khuyên dạy:

*"Cũng dường như những ngọn núi khổng lồ,  
Cao vót lên tận trời,  
Vồn vập tiến đến, cả nát nghiền nát  
Tất cả đồng bằng ở bốn hướng  
Đông, Tây, Nam, Bắc, cùng thế ấy,  
Tuổi già và sự chết lặn xả tràn ngập tất cả.  
Người dòng quý tộc và bà la môn,  
Người thường dân, hạng cùng đinh,  
Không có ai chạy thoát,  
Không ai có thể lặn trốn hay tránh né  
Triển vọng đen tối - già và chết -  
Bao trùm mọi người, và tất cả mọi người.  
Nơi đây (trong trường hợp này)  
Không có chiến tượng, chiến mã,  
Chiến xa, hay chiến binh,  
Cũng không có bùa phép hay thần chú  
Không có kho tàng châu báu nào  
Có thể ngăn chống,*

*Do đó, người có trí để suy tư,  
Người thông minh sáng suốt,  
Người có tâm lực hùng mạnh  
Hãy đặt niềm tin nơi Phật, Pháp, Tăng,  
Hành động chân chánh  
Bằng thân, khẩu, ý.  
Người ấy, nơi đây được ngợi khen  
Và trong kiếp sống vị lai  
Được hạnh phúc. (Sañyutta Nikāya, Tập A Hàm, chương 3, phần 3, bài số 5)*

## QUY Y TAM BẢO

Nương tựa châu toàn nhất trên thế gian là ngôi Tam Bảo: Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo.

Đức Phật khám phá và từ bị rơi sáng cho chúng sanh Con Đường vượt thoát ra khỏi mọi hình thức khổ đau của những kiếp sống triền miên. Giáo Pháp là Con Đường. Chư Tăng, là những vị đã có niềm tin nơi Đức Phật, đã chăm chú lắng nghe lời Phật dạy, và noi gương lành, bước theo dấu chân Ngài trên Con Đường. Từ ngày ấy, nhiều vị đã thành công rực rỡ, chúng đắc những Đạo Quả cao thượng. Những vị khác -- còn là phàm tãng, nhưng là hội viên của Giáo Hội chư Thánh Tăng -- tuy chưa đến tuyệt đỉnh vinh quang, nhưng đang tận lực tiến bước, sẵn sàng dẫn dắt những ai có tai muốn nghe, có tâm trí để suy tư, và có ý chí muốn thực hành nhằm thoát ra khỏi những kiếp sống của vòng luân hồi đầy đau khổ.

### Quy Y Phật

Người Phật tử hằng ngày đọc tụng, xưng tán hồng danh Đức Thế Tôn là: Đấng Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

\* **Đấng Ứng Cúng** (*Arahant*) vì Ngài có phẩm hạnh hoàn toàn trong sạch, đã tận diệt ô nhiễm, xa lìa những bợn nhơ ngũ ngầm trong tâm. Ngài đã phá tan và thoát ra khỏi vòng luân hồi, chấm dứt chuỗi dài sống-chết, chết-sống triền miên và không còn tái sinh nữa. Ngài là bậc chí tôn chí thánh, xứng đáng để chư Thiên và nhân loại lễ bái cúng dường. Ngài là phúc điền vô thượng, thừa ruộng đệ nhất phì nhiêu để chúng sanh gieo trồng phước báu.

\* **Đấng Chánh Biến Tri** (*Sammāsambuddho*), vì Ngài thông suốt các pháp một cách chân chánh và tự mình chứng ngộ, không thầy chỉ dạy.

*[Nơi đây, "không thầy chỉ dạy" có nghĩa là không có vị thầy nào chỉ dạy cho Ngài phương pháp tu học để chứng đắc Đạo Quả Chánh Đẳng Chánh Giác. Trước kia Ngài có học với những vị thầy như Alāra Kālāma, Uddaka Rāmaputta để hiểu biết thế gian pháp, nhưng để tiến đến tầng siêu thế thì chính Ngài phải tự mình quay cái nhìn trở vào trong, tìm chân lý bên trong Ngài. Theo dõi đến mức sâu xa nhất của dòng tư tưởng, Ngài chứng ngộ Chân Lý Cùng Tột chưa từng được biết].*

\* **Đấng Minh Hạnh Túc** (*Vijjācaranasampanno*), minh hạnh đầy đủ, trí tuệ viên thông, vừa sâu sắc vừa mênh mông bao quát, đức hạnh thanh cao siêu xuất.

\* **Đấng Thiện Thệ** (*Sugato*) người đi chân chánh. Ngài đi chân chánh vì đi trên Con Đường Cao Quý, tức Bát Chánh Đạo. Ngài đi theo phương pháp chân chánh, vì dứt bỏ mọi luyến ái và hướng đến trạng thái châu toàn. Mục tiêu cuộc hành trình của Ngài chân chánh vì đó là Niết Bàn. Ngài đi chân chánh vì đi thẳng đường, không quanh co hay lui tới.

*[Từ ngày được Đức Phật Dīpankara (Nhiên Đăng) thọ ký, Ngài không ngừng tạo an lành và hạnh phúc cho toàn thể thế gian bằng cách thực hành 30 pháp Ba La Mật (Thập Độ, mười*

pháp Ba La Mật ở ba tầng lớp hạ, trung, thượng khác nhau -  $10 \times 3 = 30$ ) và bằng cách thăng tiến trên con đường, không quanh co hay thiên về cực đoan nào, thường còn hay tuyệt diệt, lợi dưỡng trong nhục dục ngũ trần, hay đắm chìm trong khổ hạnh v.v...]

\* **Đấng Thế Gian Giải** (*Lokavidū*), thông suốt cả Tam Giới gồm Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Ngài đã kinh nghiệm và thông suốt thấu đáo thế gian dưới tất cả mọi khía cạnh như về bản chất cá nhân, về sự phát sanh, sự chấm dứt và phương tiện đưa đến chấm dứt thế gian.

\* **Đấng Vô Thượng Sĩ** (*Anuttaro*), không ai sánh bằng, vô song, vô thượng. Trong toàn thể tam giới, Đức Phật có nhiều đặc tánh cao thượng, quý trọng hơn tất cả, về giới hạnh, về pháp hành thiền, về trí tuệ, về giải thoát, về tri kiến giải thoát, không ai hơn hoặc sánh bằng Ngài.

\* **Đấng Điều Ngự Trượng Phu** (*Purisadamma-sārathi*), hướng đạo những người hữu duyên đáng được giáo hóa. Ngài rèn luyện, un đúc, khế vào khuôn khổ giới luật những chúng sanh cần được huấn luyện và đưa những chúng sanh ấy đến giới đức trong sạch, trí tuệ tuyệt hảo v.v...

\* **Đấng Thiên Nhân Sư** (*Satthā Devāmaṇussānam*), bậc thầy của chư Thiên và nhân loại, vì Ngài dạy các pháp có lợi ích trong hiện tiền, tại nơi đây, có lợi ích trong những kiếp sống vị lai và các pháp dẫn đến mục tiêu tối hậu là Niết Bàn.

\* **Đấng Giác Ngộ** (*Buddho*). Từ giác mơ vô minh Ngài đã thức tỉnh, chứng ngộ Đạo Quả Vô Thượng dưới cội bồ đề. Đây là kết quả của công phu tích cực tu tập thực hành tròn đủ ba mươi pháp Ba La Mật trong suốt bốn a-tăng-kỳ (*asaṅkeyya kappā*) và một trăm ngàn đại kiếp. Trong kiếp sống cuối cùng, "sau cuộc chiến đấu kỳ diệu phi thường kéo dài sáu năm đăng đặng, không có sự hỗ trợ từ bên ngoài và không được sự hướng dẫn của một năng lực siêu phàm nào, cô độc một mình, Bồ Tát Gotama (Cồ Đàm), lúc ấy ba mươi lăm tuổi, tận diệt mọi ô nhiễm ngũ ngậm từ vô lượng tiền kiếp, chấm dứt mọi tiến trình tham ái, và chứng ngộ thực tướng của vạn pháp, trở thành một vị Phật, bậc Toàn Giác.

\* **Đức Thế Tôn** (*Bhagavā*), một danh từ diễn đạt lòng tôn sùng kính mộ. Đây là một hồng danh đặc biệt mà Ngài thành đạt do sự liễu ngộ vô thượng, Chánh Đẳng Chánh Giác, cùng với tri kiến toàn hảo.

Khi thấu hiểu những đức hạnh, trí tuệ, công đức và lòng từ bi vô lượng của Đức Phật chúng ta cảm thấy cần phải tỏ lòng kính mộ đến một lý tưởng trong sạch. Một cách hồn nhiên, tâm ta tràn ngập những tư tưởng tri ân, kính mộ, tôn sùng, quý mến v.v... Và trong khi thành kính chiêm bái kim thân Ngài, ta tìm thấy một nguồn năng lực dồi dào thúc giục xây dựng trong tâm mình một nơi tôn thờ trang nghiêm, rồi cố dọn lòng trong sạch để xứng đáng đón rước hình ảnh của Ngài, tôn trí hình ảnh ấy vào đền thờ nội tâm đầy sự kính mến tiềm tàng trong lòng. Trước bàn thờ ấy ta nguyện hàng ngày dâng lên Đức Phật những lễ vật -- không phải những ngọn nến phải tiêu mòn hay những đóa hoa phải tàn héo -- mà kính dâng lên Ngài những hành động từ ái, những thái độ hy sinh cao cả, những công trình phục vụ hoàn toàn vị tha. Đó là lễ vật mà ta chú nguyện hằng ngày sẽ dâng đến Đức Phật.

Ta nhận định chắc chắn rằng đó hẳn là nương tựa châu toàn nhất cho chúng sanh, và từ đó nảy nở một niềm tin vững chắc nơi Đức Bốn Sư và một cách hồn nhiên, từ đáy lòng có sự thúc giục ta đọc lên câu:

*"Buddham saranam gacchāmi"* - Con xin về nương tựa nơi Đức Phật.

## Quy Y Pháp

Đức Phật là nương tựa châu toàn. Nhưng Ngài đã nhập diệt. Trước giờ Ngài nhập Đại Niết Bàn, Đức *Ananda* (A Nan) bạch hỏi: "Sau khi Ngài nhập diệt vị nào sẽ thay thế Ngài để

chương quán Giáo Hội." Đức Phật dạy:

*"Này Ānanda, có thể con sẽ nói rằng Giáo Huấn Tối Cao không còn thầy giảng dạy, chúng con sẽ không còn Đạo Sư. Không nên, Ānanda, con không nên suy tư như thế. Giáo Pháp và Giới Luật đã được Như Lai truyền dạy và quảng bá rộng rãi. Này Ānanda, khi Như Lai nhập diệt thì Giáo Pháp và Giới Luật (Dhamma-Vinaya) ấy sẽ là thầy của chúng con."*  
(Mahāparinibbāna Sutta, Kinh Đại Niết Bàn)

Một lời dạy rất rõ ràng. Từ ngày ấy, hơn hai ngàn năm trăm năm đã trôi qua. Nhưng giáo lý vàng ngọc mà trong 45 năm trường Đức Thế Tôn đã dày công giảng dạy bằng nhiều phương cách khác nhau, vẫn được lưu truyền trọn vẹn. Giáo Pháp, hay những lời dạy của Đức Thế Tôn, được tôn trí đầy đủ trong ba tạng: Luật, Kinh và Luận. Đó là kho tàng Pháp Bảo.

Giáo Pháp có đặc tánh gìn giữ, bảo vệ, nâng đỡ những chúng sanh thực hành đúng lời dạy, không để rơi vào khổ cảnh. Giáo Pháp đem ánh sáng đến người tối tăm mê muội, giúp phân biệt điều phải lẽ quấy, đường chánh nẻo tà. Giáo Pháp chỉ rõ định luật "nghiệp báo-tái sanh" để giúp chúng sanh dựa theo đó sửa mình, dọn đường tiến đến những cảnh giới nhân lạc hạnh phúc. Hơn nữa, nếu thực hành đúng mức, Giáo Pháp có thể đưa thoát ra khỏi mọi hình thức khổ đau của vòng luân hồi, đến trạng thái tịch tịnh trường cửu Đó là nương tựa châu toàn.

Câu kinh đề tán dương Ân Đức Pháp Bảo (*Dhamma Guṇa*) mà người Phật tử hàng ngày đọc tụng có ý nghĩa như sau:

*"Giáo Pháp được Đức Thế Tôn truyền dạy một cách toàn hảo là để tự mình chứng ngộ, tức khắc trở quâ, mời đến quan sát, dẫn đến Niết Bàn, để cho bậc thiện trí thấu đạt, mỗi vị cho chính mình."*

**\* Giáo Pháp Được Đức Thế Tôn Truyền Dạy Một Cách Toàn Hảo** (*Svākkhāto bhagavatā dhammo*). Toàn thể Giáo Pháp được Đức Thế Tôn truyền dạy một cách toàn hảo bởi vì toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn cuối. Và bởi vì Giáo Pháp mở đường đưa đến đời sống trong sạch toàn hảo.

Hiểu theo một lối, toàn thể Giáo Pháp hoàn toàn tốt đẹp ở đoạn đầu là "Giới", vì giới đem lại trạng thái an lành, hoàn toàn tốt đẹp, ở đoạn giữa là "Định" (tức thiền Vắng Lặng và thiền Minh Sát) vì định đem lại tình trạng vắng lặng, an lạc tự tại và trí tuệ minh sát, và tốt đẹp ở đoạn cuối là Đạo Quả và Niết Bàn.

Lại nữa, Tam Tạng Pháp Bảo, từ tạng Luật đến tạng Kinh và tạng Luận, nếu phân tách từng phần, đoạn nào cũng toàn hảo vì đoạn nào cũng nhằm đưa đến giải thoát.

**\* Tự Minh Chứng Ngộ** (*Sandiṭṭhiko*), có nghĩa là khi đã thực hành đầy đủ phận sự và hoàn tất cuộc hành trình trên Con Đường, đương nhiên hành giả đến nơi tuyệt đối an lành. Và trạng thái tuyệt đối an lành này chính hành giả tự tạo cho mình (tự mình chứng ngộ) không phải có ai ban bố.

Sở dĩ hạng phàm nhân chúng ta còn đau khổ là vì chúng ta còn chứa chấp trong tâm nhiều bợn nhơ như tham, sân, si, ganh tỵ, ngã mạn, tà kiến v.v... và vì chúng ta bị màn vô minh che lấp nên không thấy được sự thật. Chúng ta thấy giả tưởng thực, thấy vô thường biến đổi ngỡ là thường còn, thấy đau khổ tưởng hạnh phúc, và chạy theo cỏ rượt bắt cho được cái huyền ảo, không thực có. Kết quả hiển nhiên phải là thất bại và từ đó sanh ra bất mãn, bất toại nguyện, đau khổ. Bậc Thánh Nhân đã thanh lọc mọi bợn nhơ -- thô kịch và vi tế -- đã khai triển trí tuệ minh sát. Chừng ấy không cần có ai ban thưởng, tự nhiên các Ngài tri tỏ, trực nhận thực tướng của vạn pháp, chứng ngộ Đạo Quả.

\* **Tức Khắc Trở Quả** (*Akālīko*), không đợi thì giờ, có nghĩa là khi đắc Đạo rồi thì Quả tức khắc trở liền sau đó. Hạng phàm nhân, khi có hành động thiện hay bất thiện thì hành động này là nhân. Nhân đã gieo, quả sẽ trổ, sớm hay muộn, trong kiếp hiện tiền hay trong một kiếp nào ở thời vị lai. Đó là quả tại thế (*vipāka*). Còn Quả ở đây thuộc về siêu thế pháp, Quả (*phala*) của Đạo (*magga*). Đạo là chấp tâm của hành giả lúc bước vào dòng suối của chư Thánh. Khi Đạo (*magga*) phát sanh vừa chấm dứt thì tức khắc liền sau đó Quả (*phala*) phát sanh. Vì lẽ ấy, một trong các đặc tánh của Giáo Pháp là khi đến mức Đạo rồi Quả liền trở sanh, không đợi thì giờ (*akālīko*).

\* **Mời Đến Quan Sát** (*Ehipassiko*), có nghĩa là xứng đáng để mời người khác đến xem. Tại sao? Vì bên trong Giáo Pháp có chứa đựng nội dung phong phú, và vì Giáo Pháp đưa đến lối sống tinh khiết trong sạch. Nếu người kia không có gì trong tay, hay nắm trong tay những đồ bẩn thỉu ắt không nói rằng trong tay mình có vòng vàng châu báu và không mời ai đến xem. Nơi đây, trong Giáo Pháp này, chắc chắn và rõ ràng có chín pháp siêu thế (bốn Đạo, bốn Quả, và Niết Bàn) và có đời sống tuyệt đối trong sạch, vì lẽ ấy xứng đáng mời đến quan sát.

\* **Để Cho Bạc Thiện Trí Thấu Đạt, Mỗi Vị Cho Chính Minh** (*Paccattam vedītabbo viññhīti*). Trên con đường dẫn đến Niết Bàn chỉ có bạc thiện trí thức mới có thể thấu đạt Giáo Pháp, hạng cuồng si không thể được. Nên ghi nhận rằng nơi đây, "thấu đạt" Giáo Pháp có nghĩa là chứng ngộ, thấu hiểu bằng trí tuệ minh sát chứ không phải hiểu biết ở tầng lớp trí thức. Và mỗi cá nhân chỉ có thể tự mình chứng ngộ.

Trên đây là những ân đức (*guna*) của Pháp Bảo. Người đã thấu hiểu những đặc tánh và thâm nhuần ý nghĩa của Pháp Bảo càng ngày càng cảm nghe quý mến, kính mộ, tôn sùng những lời vàng ngọc ấy. Niềm tin của người ấy ngày càng vững chắc. Từ lý trí đến xúc cảm, người ấy vững lòng đặt trọn cuộc sống của mình dưới sự hướng dẫn và bảo bọc của Giáo Pháp. Hồn nhiên phát sanh đến người ấy câu:

"*Dhammāṃ saraṇaṃ gacchāmi*"- Con xin về nương tựa nơi Giáo Pháp.

## Quy Y Tăng Bảo

Giữa khu rừng rậm mênh mông của những kiếp sinh tồn trong vòng luân hồi, giữa cảnh đôn đáo chạy tới chạy lui để tìm con đường thoát ra khỏi những hiểm họa rừng rợn của khu rừng ấy, Đức Phật đã gia công trong hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn, hàng triệu, nhiều triệu kiếp sống để vạch ra Con Đường. Và trong kiếp cuối cùng, khi đã đến mức tận cùng của Con Đường, chứng ngộ Đạo Quả Vô Thượng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Chánh Biến Tri, Ngài không quản ngại công lao, đi từ làng này đến làng khác, từ tỉnh nọ đến tỉnh kia, đi trên những con đường lớn và các nẻo nhỏ, cùng khắp miền Bắc xứ Ấn Độ, để truyền bá bức thông điệp từ bi và trí tuệ, đem sự an lành đến toàn thể chúng sanh. Trong những năm đầu tiên sau khi Thành Đạo, Ngài gọi sáu mươi vị đệ tử A La Hán đi hoằng Pháp với những lời nhắn nhủ như sau:

"... *Hãy ra đi, các Tỳ Khưu, đem lại sự tốt đẹp cho nhiều người, đem hạnh phúc lại cho nhiều người. Vì lòng từ bi, hãy đem lại sự tốt đẹp, lợi ích và hạnh phúc cho chư Thiên và nhân loại. Mỗi người hãy đi một ngả. Này hỡi các Tỳ Khưu, hãy hoằng dương Giáo Pháp, toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn cuối, toàn hảo ở cả hai, tinh thần và vấn tự. Hãy công bố đời sống thiêng liêng cao thượng, vừa toàn thiện vừa thanh tịnh.*

"*Có những chúng sanh vướng ít nhiều cát bụi trong mắt, và nếu không nghe được Giáo Pháp ắt sẽ sa đọa. Cũng sẽ có người am hiểu ...*

"*Hãy phát lên ngọn cờ của bạc thiện trí. Hãy truyền dạy Giáo Pháp cao siêu. Hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác ...*"(Mahāvagga, trang 19-20)

Như vậy, chức vụ căn bản của chư vị A La Hán, những người đã thành tựu mục tiêu giải thoát, là nâng đỡ đời sống đạo đức của người khác bằng cách nêu gương lành trong sạch và truyền dạy Giáo Pháp.

Đức Bổn Sư là người khám phá ra và soi sáng Con Đường. Giáo Pháp, những lời dạy của Ngài, là Con Đường. Con Đường vẫn còn đó, nhưng nếu không có người đi, lâu ngày cỏ cây sẽ mọc lên trở lại và sẽ lấp mất. Lại nữa, tuy có Con Đường nhưng nếu không ai chỉ dẫn, ắt ta sẽ lạc nẻo. Chư Tăng là những vị đã noi theo bước chân của Đức Bổn Sư đi trên Con Đường và, đúng theo tôn chỉ "tự giác giác tha" của Phật Giáo, các Ngài sẵn sàng và hoan hỷ dẫn dắt những ai vui lòng bước theo chân mình.

Câu kinh đọc tụng để tán dương ân đức Tăng Bảo có ý nghĩa như sau:

*"Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử của Đức Thế Tôn có phẩm hạnh toàn hảo, có phẩm hạnh chân chánh, có phẩm hạnh của bậc trí tuệ, có phẩm hạnh của bậc đã hoàn tất nhiệm vụ. Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử của Đức Thế Tôn -- nếu tính đôi thì có bốn, và nếu tính riêng rẽ thì có tám -- là những vị xứng đáng thọ lãnh lễ vật, xứng đáng thọ lãnh sự tiếp đón nồng hậu, xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường, xứng đáng thọ lãnh lễ bái, là phúc điền vô thượng trên thế gian."*

\* **Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Có Phẩm Hạnh Toàn Hào** (*Supatipanno bhagavato sāvakaṅgho*). Các vị này có phẩm hạnh toàn hảo (*supatipanno*), vì đi vào con đường chân chánh, con đường thẳng tiến không trở đi trở lại, con đường thích ứng với Chân Lý, con đường hợp với Giáo Pháp mà Đức Thế Tôn đã giảng giải một cách toàn hảo.

\* **Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Có Phẩm Hạnh Chân Chánh** (*Ujupatipanno bhagavato sāvakaṅgho*) vì Ngài đi vào con đường ngay thẳng không quanh co, không xiêng vẹo, con đường chánh đáng, đúng thật là con đường.

Con đường của các Ngài là ngay thẳng vì đi ở khoảng giữa (trung đạo), lánh xa hai cực đoạn lợi dưỡng và khổ hạnh, lánh xa những quanh co xiêng vẹo của thân, khẩu, ý. Con đường ấy là chánh đáng vì là con đường của chư vị A La Hán. Đó đúng thật là Con Đường vì dẫn ngay đến giải thoát, Niết Bàn.

\* **Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Có Phẩm Hạnh Của Bậc Trí Tuệ** (*Ñāyapatipanno bhagavato sāvakaṅgho*) vì các Ngài tận lực đi suốt ba giai đoạn Giới, Định, Tuệ của Con Đường.

\* **Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Có Phẩm Hạnh Chân Chánh** (*Sāmticipatipanno bhagavato sāvakaṅgho*) vì các Ngài chuyên cần tiến bước trên con đường dẫn thoát ra khỏi mọi hình thức đau khổ.

\* **Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn -- Nếu Tính Đôi Thì Có Bốn Và Nếu Tính Riêng Rẽ Thì Có Tám** (*Yadidam cattāri purisayugāni aṭṭhapurisa-puggalā esa bhagavato sāvakaṅgho*). Có bốn Đạo: Tu Đà Hườn Đạo, Tư Đà Hàm Đạo, A Na Hàm Đạo và A La Hán Đạo, và có bốn Quả là Tu Đà Hườn Quả, Tư Đà Hàm Quả, A Na Hàm Quả và A La Hán Quả.

Nếu tính đôi: Tu Đà Hườn Đạo Quả, Tư Đà Hàm Đạo Quả, A Na Hàm Đạo Quả và A La Hán Đạo Quả thì có bốn đôi.

Nếu tính riêng rẽ: Tu Đà Hườn Đạo, Tư Đà Hườn Quả, Tư Đà Hàm Đạo, Tư Đà Hàm Quả, A Na Hàm Đạo, A Na Hàm Quả, A La Hán Đạo và A La Hán Quả, thì có tám.

\* **Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Xứng Đáng Thọ Lãnh Lễ Vật** (*Āhuneyyo*). Những lễ vật được đề cập đến ở đây là bốn vật dụng cần thiết trong đời sống, tức: vật thực, y phục, thuốc men, và chỗ ở. Chư Tăng là những vị giới đức trong sạch, xứng đáng thọ lãnh các lễ vật mà người dâng có thể đi từ phương xa đến, hoặc đã dày công tạo nên, và dâng cúng một cách thành kính.

\* **Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Xứng Đáng Thọ Lãnh Sự Tiếp Đãi Nồng Hậu** (*Pāhuneyyo*). Sự tiếp đãi nồng hậu mà người thí chủ thường dành để đón mừng những khách quý hay thân bằng quyến thuộc từ những nơi xa xôi đến, chư Tăng là những vị xứng đáng thọ lãnh sự tiếp đón nồng hậu ấy.

\* **Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Xứng Đáng Thọ Lãnh Những Lễ Vật Cúng Đường** (*Dakkhiṇeyyo*) trong ý nghĩa là các Ngài giúp cho các lễ vật cúng đường ấy trở nên trong sạch và có khả năng tạo nhiều quả phúc.

\* **Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Xứng Đáng Thọ Lãnh Lễ Bái** (*Añjalikaraṇīyo*) Vì các Ngài có nhiều đức hạnh thanh cao trong sạch.

\* **Giáo Hội Chư Thánh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Là Phúc Điền Vô Thượng Trên Thế Gian** (*Anuttaram puññakkhettaṃ lokasā'ti*) là ruộng phước đệ nhất phi nhiều trong thiên hạ.

Tăng Bảo chắc chắn là nơi nương tựa châu toàn. Khi hiểu rõ như vậy chúng ta đặt trọn niềm tin và hướng về ngôi Tăng Bảo đọc lên câu quy y:

*Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi* - Con xin về nương tựa nơi Tăng Bảo.

Khi tự nguyện bước theo dấu chân Đức Phật, hành theo những lời dạy của Ngài và đặt mình dưới sự dẫn dắt của chư Tăng, người Phật tử không làm nô lệ cho một quyền sách hay một cá nhân, mà hoàn toàn tự do thực hiện ý chí mở mang kiến thức và khai triển trí tuệ. Người Phật tử không tin rằng chỉ quy y Tam Bảo suông mà mình có thể trở nên trong sạch bởi vì Giáo Pháp dạy họ:

*"Chỉ có ta làm điều tội lỗi,  
Chỉ có ta làm cho ta ô nhiễm,  
Chỉ có ta tránh điều tội lỗi,  
Chỉ có ta gội rửa cho ta,  
Trong sạch hay ô nhiễm là tự nơi ta,  
Không ai có thể  
Làm cho người khác trở nên trong sạch."* (Kinh Pháp Cú, câu 145)

Đức Phật là vị Tôn Sư có tâm từ vô lượng, tâm bi vô biên, nhưng Ngài chỉ có thể tế độ chúng ta bằng cách khám phá và rọi sáng con đường. Chính ta phải đặt chân lên con đường và tiến bước, chính ta phải lãnh lấy trách nhiệm gội rửa thân tâm của mình. Dầu là một vị Phật đại từ đại bi có rất nhiều quyền năng, Ngài không thể rửa gội bọn nhơ của ai chỉ vì người này có đức tin nơi Ngài và van vái nguyện cầu. Đức Phật dạy: *"Các con phải cố gắng, chư Phật chỉ là những vị Thầy."*

Đức Phật là tinh hoa của nhân loại. Chúng ta là những người tinh nguyện bước theo dấu chân Ngài. Trước kim thân Phật chúng ta kính cẩn khấu đầu đánh lễ. Đó là hình thức tôn sùng của người Phật tử. Đó chắc chắn không phải là "đức tin" mù quáng mà người đời thường hiểu, cũng không phải là đức tin không căn cứ trên suy luận, trên thực tế của đời sống. Niềm tin nơi Tam Bảo, *saddhā*, trái lại là Tinh Thương, là Tín Nhiệm, là sự tôn sùng thành kính phát sanh từ thâm tâm xuyên qua trí thức, khi ta hiểu biết được phần nào giá trị của đức hạnh tự chế ngự, tự kiểm soát, của lòng hy sinh cao cả, khi ta naoáng thấy được phần nào tâm Từ, tâm Bi



mà Đức Phật ban rải cho tất cả chúng ta, và khi ta nhận thức được chân giá trị của phần di sản quý báu mà Đức Phật để lại cho chúng ta, một bảo vật vô giá, Giáo Pháp của Ngài.

Có người xem Phật Giáo là một hệ thống triết học. Đối với người khác, đó là một hệ thống luân lý. Cũng có người chủ trương rằng Phật Giáo là một tôn giáo. Dầu nhãn hiệu nào mà người ta có thể dán lên trên hệ thống giáo lý do Đức Phật ban truyền được gọi là Phật Giáo, Phật Giáo là một "lối sống" bao hàm trọn vẹn các lãnh vực tôn giáo, luân lý và triết học, một "lối sống" có khả năng thanh lọc tâm và phát triển trí đến trạng thái cao siêu nhất mà con người có thể tiến đạt đến. Đây không phải là giáo lý đề làm đề tài tranh luận, cũng không phải một học thuyết để nghiên cứu học hỏi suông nhằm thỏa mãn trí thức. Chính Đức Phật gọi giáo lý này là "*Dhamma Vinaya*", Giáo Pháp-Giới Luật, và Ngài luôn luôn nhấn mạnh đến sắc thái thực dụng của nó.

## THỌ TRÌ GIỚI LUẬT

Nền tảng của toàn thể giáo lý là Giới (*sīla*). Trì Giới là nghiêm chỉnh tự khép mình vào khuôn khổ kỷ cương. Phan ngữ *sīla*, hay giới, là tác phong đạo đức và luân lý biểu hiện ra bên ngoài bằng hành động và lời nói. Giới (*sīla*) được xem là những quy luật tu học, những lời khuyên dạy nên cẩn thận phòng bị để ngăn ngừa hiểm họa. Trong tinh thần Phật Giáo, giới không phải là những điều răn cấm. Không bao giờ Đức Phật dùng mệnh lệnh cách để tuyên lệnh, bắt buộc hàng tín đồ phải làm điều này, hay cấm không cho làm điều kia. Thay vì răn cấm, Đức Phật rọi sáng cho thế gian định luật "nhân quả" thiên nhiên của vũ trụ, và khuyên dạy chúng sanh nên sống điều hợp với lý "nghiệp báo". Ngài đặt ra những quy tắc khả dĩ giúp chúng sanh nương theo đó để trau dồi đạo hạnh và tiến hóa. Người Phật Tử không bị lệ thuộc phải tuân hành những điều "răn cấm" mà hoàn toàn tự do chọn lựa con đường của mình. Ngài dạy rằng chư Phật chỉ là những vị đạo sư đã tìm ra Con Đường, đã về vãng thành công trải qua suốt Con Đường, và từ bi chỉ vạch cho những ai vui lòng bước theo dấu chân mình.

Có những hiểm họa dài theo Con Đường mà nếu lơ đãng, khách lữ hành chắc chắn sẽ không đi đến nơi đến chốn. Giới (*sīla*) là những quy tắc luân lý có tác dụng như những tấm bảng màu đỏ dựng bên đường để cảnh báo sắp có hiểm họa, khuyên cáo những gì không nên làm, những điều nên tránh (*vāritta*). Đàng khác Giới cũng là nếp sống kỷ cương được xem như những tảng đá vững chắc cần trên Con Đường hướng đến trạng thái an tịnh châu toàn, những gì nên làm (*cāritta*).

Giới đề cập đến những lời không nên nói, những việc không nên làm và những nghề không nên hành (Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng).

Đối với hàng tại gia cư sĩ có năm giới căn bản là: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, và không dùng chất say. Kinh Pháp Cú có câu:

*"Kê nào sát sanh, vọng ngữ, lấy của người mà không được cho, lãn la vợ người, và để duôi dùng chất say, kê ấy đào lỗ tự chôn gốc rễ trên thế gian này."*(PC, câu 246-247)

Trong câu này đoạn "đào lỗ tự chôn mình trên thế gian này" có nghĩa là ăn sâu, bám chặt, vào những kiếp sống triền miên, không bao giờ thoát ra khỏi thế gian đầy đau khổ này. Đức Phật dạy nên cố tránh những hành động tạo nghiệp bất thiện kê trên nhằm tự rút dần, thoát ra khỏi vòng luân hồi, và người Phật tử thuần thành nên lập đi lập lại hàng ngày câu kinh thọ giới để tự nhắc mình những quy tắc tu tập, và lập tâm chú nguyện cố gắng gói ghém cuộc sống vào khuôn khổ của giới luật.

## Năm Giới Căn Bản

1. "*Pāñātipātā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi*" - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh.

Không sát sanh là không cố ý cắt đứt, ngăn chặn, tiêu diệt, hay làm trở ngại sức tiến triển của luồng sống hay năng lực đời sống, không cho nó liên tục trôi chảy. Không sát sanh cũng hàm ý là không làm tổn thương sự sống của bất luận sinh vật nào, cũng không sai biểu, xúi giục, quyền dụ, hay làm cách nào khác để cho ai làm những điều này. Trong hình thức thô sơ nhất, hành động sát sanh gồm đủ năm yếu tố: Có một sinh vật đang sống, có sự hiểu biết rằng con vật ấy đang sống, cố ý cắt đứt sự sống của sinh vật ấy, chú tâm cố gắng làm cho con vật chết, và chính tác động sát sanh.

Đức Phật dạy:

*"Ai cũng run sợ trước gậy gộc. Tất cả đều quý trọng đời sống. Hãy lấy bụng ta suy lòng người. Không nên giết chóc, cũng không nên làm cách nào cho người khác giết."* (Kinh Pháp Cú, câu 130)

Trong một trường hợp nọ, khi Đức Phật vào thành Sāvatti (Xá Vệ) tri bình thì thấy một nhóm trẻ con cầm gậy, xúm lại đập một con rắn nước. Ngài dừng lại hỏi, "Này các con, các con đang làm gì đó?"

-- Bạch Ngài, chúng con đang đập con rắn.

-- Tại sao các con đập nó?

-- Bạch Ngài, vì chúng con sợ nó cắn.

Đức Phật khuyên các em, "Trong khi làm đau đớn con rắn, các con hãy nghĩ đến tình trạng an lạc của các con. Hành động hung bạo này sẽ làm tổn thương đến hạnh phúc của chính các con trong tương lai. Người nào muốn tìm hạnh phúc cho mình chớ nên hành hung kẻ khác. Và Ngài dạy:

*"Kẻ nào tìm hạnh phúc cho mình bằng cách hành hung chúng sanh khác -- cũng ưa thích được an lạc -- kẻ ấy không có hạnh phúc."* (Kinh Pháp Cú, câu 131)

Theo người đời, săn bắn chim chóc, thú rừng, hay buông câu bắt cá, đều là thú tiêu khiển nhàn lạc và thanh nhã. Nhưng nếu chúng ta bình tâm suy tư, nghĩ rằng chim, cá, hay thú rừng, đều là những người bạn đồng hành với chúng ta trong đại trùng dương đời sống, và những người bạn xấu số ấy cũng quý trọng đời sống như chúng ta, cũng biết đau đớn như chúng ta, thì dầu để bày tiệc hỷ hạ linh đình, hay để tiêu khiển thì giờ, mà ta đành nhẫn tâm làm đau khổ một chúng sanh thì hẳn là thiếu tâm từ, tâm bi! Và lại hành động kém từ ái này sẽ đem lại cho chính ta những hậu quả rất tai hại.

Ngày nọ có chàng thanh niên muốn tìm chân lý tên Subha, thắc mắc trước trạng huống dị biệt giữa loài người, bạch hỏi Đức Phật: "Bạch Hóa Đức Thế Tôn, vì lý do gì, và do nguyên nhân nào, mà trong đời có người yếu và kẻ thọ, kẻ bệnh hoạn và người mạnh khỏe ..."

Đức Phật vấn tắt giải đáp:

*"Tất cả chúng sanh đều mang theo cái nghiệp (kamma) của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chỉ thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái nghiệp riêng (biệt nghiệp) của mỗi người mỗi khác nên mới có cảnh dị biệt giữa chúng sanh."*

Rồi Đức Phật giải thích cho Subha nghe từng trường hợp:

*"Nếu người kia trọn đời chỉ biết sát sanh, người thợ săn hay người đồ tể chẳng hạn, bàn tay luôn luôn dẫm máu, hàng ngày sống trong sự giết chóc và gây thương tích không chút xót thương. Do tính hiếu sát ấy, nếu tái sanh vào cảnh người, người ấy sẽ là người "yếu".*

*"Nếu người kia luôn luôn thận trọng, không hề xúc phạm đến đời sống của ai, sống xa guom đao giáo mác và các loại vũ khí, lấy lòng từ ái đối xử với tất cả chúng sanh. Do sự không sát sanh (tâm từ ái) ấy, nếu tái sanh vào cảnh người, người ấy sẽ "thọ".*

*"Nếu người kia độc ác, luôn luôn tìm cách hại người, luôn luôn dùng dâm dả và guom đao đối xử với mọi người. Do nét hung dữ bạo tàn ấy, nếu tái sanh vào cảnh người, người ấy sẽ uon yếu bệnh hoạn. Nếu người kia không làm tổn thương ai khác. Do đức tánh hiền lương nhu hòa ấy, nếu tái sanh vào cảnh người, người ấy sẽ khoẻ mạnh."*(Majjhima Nikāya, Trung A Hàm, bài số 153)

Một khi nhân đã gieo thì quả ắt sẽ trở, sớm hay chầy, nơi này hay nơi khác. Theo đúng giáo huấn của Đức Bôn Sư, không thể van lơn cầu cạnh, hay hối lộ hoặc gian lận bằng cách nào, mà ta có thể đổi được định luật nhân quả, cũng không thể lẩn trốn nơi nào, dầu trên trời lồng lộng mệnh mông, hay giữa đại dương sâu thẳm, hoặc ở thâm sơn cùng cốc mà ta có thể tránh khỏi hậu quả của nghiệp bất thiện đã tạo. Không có vị Trời nào, chí đến Đức Phật đi nữa, có thể can thiệp vào sự báo ứng của nghiệp.

Vào thuở nọ, Đức Tôn Sư ngự tại Kỳ Viên Tịnh Xá. Có một nhóm tỳ khuru, trên đường về hầu Ngài, ghé vào làng nọ để tri bình. Dân chúng trong làng hoan hỷ nghênh đón, rước bát, dọn chỗ ngồi và thỉnh các Sư vào lưu ngụ trong nhà khách. Họ dọn cháo để các Ngài điếm tâm, và trong khi chờ đợi nấu nướng cho thời ngộ, họ ngồi lại để nghe chư sư thuyết giảng Giáo Pháp. Vào lúc ấy ở dưới nhà bếp một ngọn lửa từ trong lò, thò lên tấp nhằm mái tranh và từ đó nóc nhà phát cháy, bị gió thổi cuốn lên trên không. Ngay vào lúc ấy có một con quạ bay ngang, đâm đầu vào cuộn tranh cháy ấy, bị lửa thiêu sống, con quạ chết rơi xuống giữa làng.

Đầu đuôi câu chuyện xảy diễn trước mắt các nhà sư. Các Ngài nói, "Sự việc xảy ra quả thật là khủng khiếp, này chư Huynh, chúng ta vừa chứng kiến cái chết hãi hùng đến độ bất ngờ của con quạ. Không biết trong tiền kiếp nó đã làm gì mà ngày nay phải chịu một cái chết quá thể thảm như thế này. Ngài Đức Thế Tôn còn ai có thể biết được? Để chúng ta bạch hỏi Ngài xem con quạ này đã làm gì trong tiền kiếp."

Bàn với nhau như vậy rồi các vị tỳ khuru lên đường về hầu Phật và bạch hỏi.

Đức Phật dạy:

*"Này chư Tỳ Khuru, con quạ này phải chịu đau khổ y như nổi khổ mà nó gây ra cho kẻ khác. Vào một thời xa xưa kia, quạ này là một nhà nông ở thành Benares (Ba La Nại). Ngày nọ anh nông dân lừa bò vào chuồng. Nhưng con bò của anh lỳ lợm không chịu vào, mặc dầu anh hết sức cố gắng lừa nó đi. Bò chỉ đi vài bước rồi nằm xuống. Anh dùng roi đánh. Nó đứng lên đi xa thêm chút nữa, rồi lại nằm lỳ xuống. Anh cố gắng hết sức, nhưng rồi cuộc vẫn thất bại hoàn toàn. Giận dữ, anh bảo bò, "Được rồi! muốn vậy cho mày vậy. Tốt lắm. Kể từ giờ phút này, cho mày nằm luôn đây cho vừa lòng." Nói xong anh hít rom, trái phù lên mình con bò thật nhiều, trông như một cây rom, và châm lửa đốt. Trong giây lát con bò bị thiêu sống và chết ngay tại chỗ.*

*Này chư Tỳ Khuru, đó là hành vi độc ác của chính con quạ này trong quá khứ. Khi nhân bất thiện đã hội đủ duyên kỳ thì quả dữ trở sanh. Vì lẽ ấy nó phải chịu biết bao đớn đau trong khổ cảnh một thời gian lâu dài và, vì chưa dứt nghiệp, về sau nó lại còn bị thiêu đốt trong nhiều kiếp sống."*

Khi giảng về Ba La Mật Trì Giới (*Sīla Parami*), Đại Đức Nārada có lời khuyên dạy như sau:

"Mọi người đều quý trọng đời sống của mình. Không ai có quyền cướp sự sống của kẻ khác. Bồ Tát rải tâm từ đến tất cả chúng sanh, cho đến những con vật bé nhỏ đang bò dưới chân, và không khi nào sát hại hoặc làm tổn thương một sinh vật nào.

"Con người vốn sẵn có một thú tánh xúi giục giết hại những chúng sanh khác để ăn thịt mà không chút xót thương. Cũng có khi sát sanh, như săn bắn hay đi câu, để tiêu khiển thì giờ. Dầu để nuôi sống thân mạng hay để tìm thú vui, không có lý do nào chánh đáng để giết một sanh linh hoặc làm cách nào khác cho một sanh linh bị giết. Có những phương pháp tàn nhẫn, ghê tởm, cũng có những phương pháp mà người ta gọi là "nhân đạo" để sát sanh. Nhưng làm đau khổ một chúng sanh khác là thiếu lòng từ ái. Giết một con thú đã là hành động bất chánh, nói chi đến giết một người, mặc dầu nhiều lý do đã được viện ra gọi là chánh đáng, có khi gọi là cao quý, để con người tàn sát con người."

2. "*Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samā-diyāmi*" - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

Không trộm cắp, tức không cố ý lấy, hoặc nhờ người khác lấy vật có chủ mà không được cho đến mình. Đức Phật dạy:

*"... Người ấy cố tránh lấy vật gì không được cho đến mình, những gì -- dầu ở giữa rừng hoang hay trong xóm làng -- thuộc quyền sở hữu của người khác, người ấy không nên lấy với dụng ý đem về làm của riêng."*

"Lấy một vật không được cho đến mình" ở đây có thể bao gồm nhiều hình thức như: (a) trộm cắp, lén lút lấy của người, như móc túi, khoét vách đào ngạch để vào nhà lấy trộm v.v... (b) Cướp, công khai lấy của người bằng võ lực hoặc bằng cách hăm dọa. (c) Giặt, lẹ làng giặt lấy một món đồ rồi bỏ chạy làm cho người ta không kịp trở tay giữ lại. (d) Gian lận, giả dối trá trở dành quyền sở hữu của một người khác. (e) Lường gạt, như buôn bán, của ít nói nhiều, của rẻ nói mắc, đo lường thiếu, của hư xấu nói tốt v.v... Tất cả những hình thức trên đều phạm nhằm giới trộm cắp.

Nghiệp nặng hay nhẹ tùy nơi: (a) Giá trị món đồ mà mình lấy. (b) Nhu cầu của người mà mình lấy món đồ, tức tùy sự đau khổ mà mình gây nên cho người mất của. Cướp một bát cơm của người đang nghèo đói, hẳn gây đau khổ cho người mất nhiều hơn là lấy cũng một chén cơm y như vậy của người giàu có dư ăn dư để. (c) Loại tâm nằm phía sau hành động trộm cắp, tức tác ý thúc đẩy, đưa mình đến hành động phạm giới. Nơi đây thông thường là tâm tham, nhưng cũng có thể là tâm sân, và trong mọi trường hợp, là tâm si.

Có năm chi tạo thành nghiệp trộm cắp: 1. Một vật sở hữu của người khác. 2. Mình biết như vậy. 3. Có ý muốn đoạt vật ấy. 4. Sự cố gắng trộm cắp, và 5. Chính hành động trộm cắp.

Nơi đây, nghiệp nặng hay nhẹ tùy theo sự chú tâm nhiều hay ít vào ba chi 3, 4, 5.

Người thanh tịnh trì giới lánh xa mọi hình thức trộm cắp, dầu là trộm cắp hiển nhiên, lộ liễu, hay trộm cắp vi tế, kín đáo, ẩn núp dưới một hình thức nào khác. Trái lại, người ấy luôn luôn cố gắng phát triển những đức tánh thanh bạch, liêm khiết, chân thật và chánh trực. Chẳng những không lấy của người mà cố gắng mở rộng tâm quảng đại bố thí, đem của mình ra cho người khác.

Quả đương nhiên của nghiệp trộm cắp là nghèo nàn, khổn khổ, thường bị thất vọng và làm thân nô bộc.

3. "*Kāmesu micchācārā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi*" - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà dâm.

Không tà dâm là gìn giữ đời sống gia đình trong sạch, không lang chạ phóng túng. Đức Phật dạy:

*"Người giới đức trong sạch cố tránh tà hạnh và cố gắng tự chế. Người ấy không lãng loàn lang chạ với người còn sống dưới sự bảo bọc của cha, mẹ, anh, chị, hay họ hàng, với người đã có chồng hay vợ, với người đã hứa hôn, hoặc với người mà xã hội không cho phép."*  
(Āṅguttara Nikāya, Tăng Nhứt A Hàm, X, 176)

Về phương diện luân lý, giới này nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, không để cho người ngoài xâm phạm vào tình trạng an lạc trong nhà, tạo niềm tin cần lẫn nhau, và siết chặt tình nghĩa giữa vợ và chồng. Về mặt đạo đức, giới này giúp làm giảm thiểu năng lực tự nhiên có chiều hướng lan rộng của dục vọng và đàng khác, tăng trưởng đức hạnh từ khước và tự chế của lối sống thanh cao.

Lẽ dĩ nhiên, đời sống độc thân của các nhà tu sĩ chân chánh là hình thức trong sạch đáng được quý trọng nhất, vì các Ngài có thể tận dụng tất cả năng lực của mình để phục vụ kẻ khác. Nhưng Đức Phật là vị giáo chủ thực tế. Ngài không bao giờ trông đợi hàng tín đồ tại gia cư sĩ sống cuộc sống của các bậc xuất gia. Hiểu biết bản năng và những kích thích của đời sống, khát vọng và những thúc giục của con người, Đức Bổn Sư không ép buộc hàng cư sĩ sống tuyệt đối độc thân như các vị tỳ khưu. Nhưng Ngài khuyên chúng ta nên thận trọng, đừng để sai lầm làm nô lệ cho cơ thể vật chất và do đó, làm giảm suy phẩm giá con người.

Quả đương nhiên của nghiệp tà dâm là có nhiều kẻ thù và đời sống gia đình, giữa vợ và chồng, không có hạnh phúc.

4. *"Musāvādā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi"* - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự vọng ngữ.

Không vọng ngữ, tức không nói lời sai quấy, không tạo khẩu nghiệp bất thiện, luôn luôn có lời nói chân chánh và đồng thời trau dồi thiện khẩu nghiệp.

Thông thường chúng ta có khuynh hướng xem nhẹ khẩu nghiệp, vì hậu quả của lời nói thường không biểu hiện mạnh mẽ tức khắc như thân nghiệp. Nhưng nếu chịu khó bình tâm suy tư, ắt chúng ta nhận thức rằng lời nói có tầm ảnh hưởng rất quan trọng và khả năng tạo hậu quả vô cùng to tát, trong việc thiện cũng như trong điều bất thiện. Lời nói có thể khơi dậy lòng căm thù, tiêu diệt đời sống, gây chiến tranh, mà cũng có khả năng mở mang trí tuệ, hàn gắn chia rẽ và đem lại tình trạng thanh bình an lạc.

Từ ngàn xưa lời nói vẫn được xem như lưỡi dao bén cả hai bề mà người xử dụng cần phải hết sức thận trọng. Ngày nay, với sự tiến bộ của những phương tiện truyền thông, hậu quả của lời nói -- tốt cũng như xấu -- trở sanh càng nhanh chóng và sâu xa không thể lường. Lời nói quả thật là một khả năng của con người có giá trị vô cùng trọng đại. Nếu con người có thể kiểm soát được cái lưỡi không xương của mình thì nhân loại chẳng những tránh được bao nhiêu phiền phức rối rắm và đau khổ, mà đời sống trên thế gian này cũng được tốt đẹp, thoải mái dễ chịu, đáng được sống hơn bao nhiêu.

Giới vọng ngữ chia làm bốn phần. Bốn loại khẩu nghiệp bất thiện là nói dối, nói đâm thọc, nói thô lỗ cộc cằn, và nói nhảm nhí.

Như vậy, không vọng ngữ là không nói dối, không nói đâm thọc, không nói lời thô lỗ và không nói lời nhảm nhí vô ích.

**a. Không nói dối.** Pháp tu học đầu tiên là không nói dối, tức chuyện có nói không, chuyện không nói có, mà luôn luôn nói lời chân thật. Đức Phật dạy:

*"Nơi đây (theo giới này), người trì giới cố tránh và kiêng cử nói lời giả dối. Người ấy nói lời chân thật, tận tâm sống chân thật, chắc chắn, đáng được tin cậy, không làm cho người khác hiểu sai sự thật. Giữa buổi họp hay giữa đám đông, trong giới thân bằng quyến thuộc hay*

ngoài xã hội, hoặc trước triều đình khi được gọi làm nhân chứng cho một việc gì, người ấy sẽ nói "tôi không biết" nếu thật sự không biết; và nếu biết, người ấy nói "tôi biết". Người ấy nói "tôi không thấy gì" nếu thật sự không thấy, và nói "tôi thấy", nếu thật sự thấy. Như vậy người ấy không bao giờ nói lời giả dối vì lợi ích cho mình, vì lợi ích cho một người thân, hoặc vì bất cứ lợi ích nào". (Anguttara Nikāya, Tăng Nhứt A Hàm, bài kinh số 176)

Trong lời tuyên ngôn trên, rõ ràng Đức Phật trình bày cả hai sắc thái -- tiêu cực -- không nói dối, và -- tích cực -- nói lời chân thật, của giới này.

Tâm sở bất thiện nằm phía sau lời nói giả dối, hay ý định làm cho người khác hiểu sai sự thật, có thể khác nhau. Như khi nói dối để được lợi về tài sản vật chất, về địa vị, quyền thế, danh vọng v.v... cho mình hay cho người thân mình, thì đó là tâm tham. Nói dối để làm hại kẻ khác, là tâm sân v.v...

Nói lời giả dối tác hại cho người mà cũng hại cho mình. Xã hội chỉ có thể tồn tại êm thấm trong sự tín cẩn lẫn nhau khi mà người này có lý do để tín nhiệm người khác. Trong một xã hội mà chỉ có ngờ vực, không ai tin ai, giữa người và người chỉ có sự giả dối lường gạt lẫn nhau, xã hội ấy ắt phải sa đọa vào vực thẳm của rối loạn.

Tật nói dối còn có ảnh hưởng đến tâm tánh tự nhiên của chính mình. Khi đã nói dối một lần ta bị bắt buộc phải nói dối nữa để che đậy điều dối đã nói trước, và như thế, người nói dối bị gài chặt vào một loại cạm bẫy rất chằng chịt, không lối thoát. Lắm lúc, đến mức độ nào, chính người nói dối cũng không biết đâu là sự thật.

Bài Pháp đầu tiên mà Đức Phật dạy chú sa-di bảy tuổi Rāhula (La Hầu La, con của Thái Tử Siddhattha, trước khi thái tử xuất gia) là bài kinh *Ambalaṭṭhika Rāhulavādā*, được ghi lại trong bộ *Majjhima Nikāya*, Trung A Hàm, số 61, có đoạn như sau:

"Rāhula, sau khi vừa xuất gia, ngày kia thấy Đức Phật từ xa đến thì dọn dẹp chỗ ngồi và chuẩn bị, để sẵn thau nước cho Đức Phật rửa chân. Khi rửa xong Đức Thế Tôn chừa lại một ít nước trong thau và hỏi:

-- Rāhula, con có thấy còn lại chút nước trong thau không?

-- Bạch Đức Thế Tôn, có.

-- Cùng thế ấy, này Rāhula, đời sa-di quả thật không nghĩa lý gì nếu còn nói dối mà không biết hổ thẹn. Rồi Đức Phật tạt hết nước trong thau ra và dạy: "Đời sa-di quả thật như bỏ đi nếu còn nói dối mà không biết hổ thẹn."

Rồi Đức Phật lật úp cái thau lại và dạy: "Đời sa-di quả thật bị đảo lộn nếu còn nói dối mà không biết hổ thẹn.

Cuối cùng Đức Phật lật cái thau trở lên lại, để ngay ngắn, rồi dạy: "Đời sa-di quả thật trống không và vô vị nếu còn nói dối mà không biết hổ thẹn. Với người nói dối mà không biết hổ thẹn, Như Lai tuyên bố, không có điều tội lỗi xấu xa nào mà người ấy không làm. Do đó, Rāhula, con phải cố gắng lập tâm: "dầu trong lúc nói chơi đùa tôi cũng không nói dối."

Đến mức cùng tột, chân thật là một Ba La Mật (*Sacca Pāramitta*, Ba La Mật Chân Thật) tức là một trong mười pháp có khả năng đưa người thực hành thuần thực từ bờ mê sang bến giác. Một vị Bồ Tát -- tức người đã phát nguyện sẽ trở thành Phật -- luôn luôn chân thật, trong sạch, và có lối sống chánh trực. Phương châm của các Ngài là "nói sao làm vậy, làm sao nói vậy" không hề sai chạy, không bao giờ có sự chênh lệch giữa hành động và lời nói. Chân thật là kim chỉ nam của Bồ Tát. Ngài tự xem có bốn phận phải luôn luôn giữ lời. Trước khi hứa điều gì Ngài thận trọng suy nghĩ. Khi đã thốt ra lời rồi thì quyết định giữ cho tròn lời hứa. Dầu phải

hy sinh mạng sống, Bồ Tát vẫn không hề nói lời giả dối. Túc Sanh Truyện *Mahā Sutasoma Jātaka* (số 537) có ghi lại chuyện tích một vị Bồ Tát hy sinh mạng sống để giữ lời hứa.

*"Giống như sao mai mà ta thấy buổi sáng trên trời. Ngày nào như ngày nấy, lặng lẽ xuất hiện nơi vị trí của nó, không sai chạy. Năm tháng trôi qua, sao mai vẫn y hèn. Lời nói của bậc thiện trí cũng phải đúng như vậy. Không khi nào lệch sai sự thật, không hề sai hèn."*

Đời công các Ngài như thế nào, đời tư như thế ấy. Bồ Tát không dùng lời nịnh bợ để mua lòng người khác, và không hăng hái nhất thời để được thể gian ca tụng.

Sở dĩ chư vị Bồ Tát rất chú tâm đến hạnh chân thật như vậy vì ảnh hưởng của sự giả dối rất sâu đậm.

Giả dối là một trở ngại quan trọng trên đường giác ngộ. Giác ngộ là thấu triệt chân lý, thấy rõ thực tướng của sự vật. Nói dối là nói sai, muốn làm cho người khác hiểu sai sự thật. Chứng ngộ Chân Lý là trọn vẹn tự hòa đồng -- cả tâm lẫn thân -- với sự thật, với cái gì thật sự là như vậy. Người giả dối nghĩ một đằng nói ra một nẻo, lấy giả làm thật. Con đường giả dối hẳn là con đường ngược chiều với giác ngộ. Trong phạm vi luân lý của người đời, để cho sự giao dịch giữa người và người trôi chảy suôn sẻ, lắm khi có những lời nói mà người nói không bao giờ nghĩ đến. Như vậy, người cố tránh, cố kiêng cử lời nói giả dối đã vượt qua khỏi phạm vi luân lý của đời sống xã hội. Vấn đề ở đây là trọn vẹn hòa đồng với Chân Lý.

Bồ Tát không bao giờ nói dối, nhưng cũng không nói tất cả sự thật. Sự thật nào không đem lợi ích và hạnh phúc, hay có hại cho kẻ khác thì Ngài không nói ra. Trái lại, sự thật nào có lợi cho người, dầu mình bị thiệt hại đi nữa Ngài cũng nói.

**b. Không nói đâm thọc** là pháp tu học thứ nhì của giới vọng ngữ.

*"Người trì giới này cố tránh và kiêng cử, không dùng lời lẽ có tánh cách đâm thọc [\*]. Điều gì nghe ở đây, người ấy không lặp lại nơi khác nhằm tạo chia rẽ. Điều gì nghe ở nơi khác, người ấy không lặp lại ở đây nhằm tạo chia rẽ. Người ấy có tinh thần đoàn kết những ai chia rẽ, và khuyến khích những ai đoàn kết. Không khi thuận hòa là niềm vui của người ấy. Người ấy hoan hỷ thỏa thích và phấn khởi trong sự hòa hợp và, bằng lời nói, cố gắng gieo trồng mầm móng thuận hòa".* (Aṅguttara Nikāya, Tăng Nhứt A Hàm, bài kinh số 176)

*[\* Danh từ "pisunāvacca" được Đức Phật dùng ở đây có nghĩa là lời nói nhằm bẻ gãy tình bằng hữu. Thành ngữ cùng ý nghĩa mà ta thường dùng trong dân gian là "đâm bị thóc, chọc bị gạo". Đi đâu này nói xấu đâu kia rồi trở lại đâu kia đặt chuyện gièm pha đâu này, nhằm tạo sự thù hận, hờn giận hay chia rẽ. Nơi đây danh từ này được chuyển ngữ là "nói đâm thọc".]*

Động cơ thúc đẩy đến lời nói "đâm thọc" thường là tâm bất mãn, sân hận, hay ganh tỵ. Thấy ai thành công hay thấy người có giới đức được tôn trọng thì sanh tâm muốn hạ uy tín hoặc làm suy giảm giá trị, đôi khi vì muốn ám hại hay muốn lấy lòng một người, cũng có khi chỉ vì thỏa thích muốn thấy người ta giận dữ cãi vã lẫn nhau.

Người nói đâm thọc cũng tựa hồ như loài muỗi, hút nọc độc ở đầu này rồi đến ve vãn đầu kia hút một ít máu, và trong lúc ấy không quên để lại một phần nọc độc. Miệng nói ngọt ngào như mật, nhưng tâm thì đượm nhuân chất độc.

Đứng về phương diện nghiệp báo, quả của lời nói đâm thọc rất tai hại. Tâm sân, làm nguyên nhân chánh cho lời nói đã là một căn bất thiện rồi, người có ác ý, cố gây chia rẽ thường nghiền ngẫm suy tư, tìm lời lẽ để châm chích cho đúng lúc, đúng tâm lý v.v... càng áp ủ lâu ngày trong lòng, nghiệp ác càng nặng. Nếu cố tâm bày điều giả dối để thêm bớt thì lại còn tạo

thêm khẩu nghiệp nói dối. Cả hai -- nói lời đâm thọc và nói lời giả dối -- phối hợp tạo thành một khẩu nghiệp bất thiện vô cùng tai hại.

Lời nói chân chánh không tạo phiền phức cho ai mà chỉ đem lại hòa hợp và an tịnh. Thay vì gieo rắc mầm mống chia rẽ, lời nói chân chánh luôn luôn tạo hòa khí giữa những người bất đồng ý kiến, xây dựng tình bằng hữu giữa những người thù nghịch.

Trong xã hội loài người, chúng ta không thể sống riêng rẽ một mình và không tùy thuộc lẫn nhau. Vậy, trong sự lợi ích kể cần nhất của mỗi người, chúng ta hãy cố gắng tập sống chung với nhau trong bầu không khí thuận hòa, trong tình huynh đệ và trong sự điều hợp.

**c. Không nói thô lỗ cộc cằn.** Pháp học kể theo là không nói thô lỗ cộc cằn, mà chỉ ăn nói thanh tao nhã nhặn.

Đức Thế Tôn dạy như sau:

*"Người trì giới này cố ý tránh và kiêng cử không nói những lời thô lỗ cộc cằn. Người ấy chỉ thốt ra những lời dịu hiền, thanh nhã, dễ mến, những lời thành thật và lễ độ, thân hữu và làm vui lòng nhiều người." (Āṅguttara Nikāya, Tăng Nhứt A Hàm, bài kinh số 176)*

Lời nói thô lỗ biểu lộ tánh hung tợn và được thốt ra trong sự nóng giận. Tánh cách thô bạo của lời nói này có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức như la rầy, mắng nhiếc, chưởi rủa, hay nói xiêng xỏ v.v... tất cả đều phát sanh từ tâm bất mãn, sân hận, và nhằm gây phiền muộn.

Những cơn nóng giận thường bộc phát đột ngột, không có sự nghiền ngẫm suy tính, nên hậu quả không đến nỗi trầm trọng lắm. Mặc dầu vậy, vì nó có khuynh hướng tái diễn, nếu chúng ta lơ đãng để lặp đi lặp lại nhiều lần ắt nó thành thói quen và từ đó, trở thành tâm tánh sân hận và hung bạo, thì rõ ràng là một hiểm họa. Lời nói thô bạo biểu lộ sự nóng giận, lúc nào cũng là một tai hại, cho người nghe cũng như cho người nói, trong hiện tại cũng như trong tương lai.

Vào thời Đức Phật có vị tỷ khuru thường nặng lời lăng mạ một vị khác và vị này trả lời lại. Đức Thế Tôn khuyên dạy như sau:

*"Không nên dùng lời thô lỗ cộc cằn. Người bị nói cộc sẽ trả lời thô. Những lời gây thù trả oán thật là đau đớn. Lời qua tiếng lại sẽ làm tổn hại như gây thương tích." (Kinh Pháp Cú, câu 133)*

Tự kiềm chế, cố tránh, và kiêng cử những lời thô bạo trong cơn nóng giận là trau giồi hạnh nhẫn nhục. Đó là chịu đựng những lời khiển trách khắc khe, khoan hồng bỏ qua những sai lầm của người khác, tôn trọng những quan điểm dị đồng và cảm thông những thiếu sót của người. Tự kiểm soát thân tâm là cái chìa khóa mở cửa đưa vào hạnh phúc, và để cho những cảm xúc vô độ lượng, kém trật tự, đượm nhuân sân hận điều khiển mình, là tự đặt mình vào tình trạng nô lệ tệ hại nhất.

Túc Sanh Truyện số 269, đề cập đến một chuyện tiền thân của Đức Thế Tôn, kể lại rằng trong kiếp sống ấy Ngài là vua xứ Benares (Ba La Nại). Lúc bấy giờ Đức Hoàng Thái Hậu, thân mẫu Ngài, là người hiền lương nhưng đôi khi có lời nói cộc cằn. Hôm nọ Vua cùng đi với Hoàng Thái Hậu và đoàn tùy tùng, dạo chơi trong ngự uyển. Bên đàng có con chim ác là, màu sắc xinh tươi lộng lẫy. Nhưng mỗi khi cất tiếng lên thì giọng kêu chát chúa, ai này cũng bịt tai, ngoảnh mặt than phiền. Một lúc sau đến nơi khác thì có con chim chích choè, lông đen xấu xí, mà tiếng hót lảnh lót thanh tao dịu ngọt, ai cũng thích nghe, ai cũng trông cho nó hót thêm nữa đề nghe. Nhân cơ hội Vua mở lời khuyên mẹ:

"Kính Mẫu Hậu thân mến, tiếng kêu của con chim ác là thật chát chúa khó nghe, ai cũng muốn lánh xa. Thật không ai thích nghe lời thô lỗ. Chim chích choè trái lại, mặc dầu đen đúa



xấu xí, nhưng đã thu hút mọi người bằng giọng hót thanh nhã dịu hiền. Như vậy, lời nói của ta phải là cần ngôn, êm dịu, hiền lành, đầy ý nghĩa v.v..."

Do lời khuyên của người con sáng suốt, kể từ đó về sau Hoàng Thái Hậu giữ gìn lời ăn tiếng nói và trở nên thanh nhã dịu hiền.

**d. Không nói nhảm nhí** mà chỉ nói lời hữu ích. Pháp này được Đức Phật dạy:

*"Người (thọ trì phẩm hạnh này) cố tránh và kiêng cử nói lời nhảm nhí vô ích. Người ấy nói đúng lúc, đúng như sự việc xảy ra, nói những lời hữu ích, nói về Giáo Pháp và Giới Luật. Lời nói của người ấy là một kho tàng, thốt ra đúng lúc, hữu lý, hòa nhã, và đầy ý nghĩa."*  
(Anguttara Nikāya, Tăng Nhứt A Hàm, bài số 176)

Lời nói nhảm át vô ý nghĩa, nông cạn, và không dẫn đến lợi ích nào. Những lời lẽ như thế ấy chỉ khơi động vọng tâm, Đức Phật khuyên nên hạn chế những ngôn từ thuộc loại này. Đối với hàng xuất gia, lời nói phải là cần ngôn, phải được chọn lọc, và chỉ nói những lời thích hợp với Giáo Pháp.

Ngài dạy:

*"Này chư Tỳ Khưu, khi các con tụ họp đông đảo thì chỉ có hai việc nên làm: hoặc thảo luận về Giáo Pháp, hoặc im lặng cao thượng."*(Majjhima Nikāya, Trung A Hàm, bài số 26)

Thảo luận về Giáo Pháp là đề cập đến Con Đường dẫn đến chứng ngộ Chân Lý Cùng Tột, Niết Bàn, và do đó quả thật là hữu ích. Đàng khác, trầm lặng là một hình thức nhàn lạc của kiếp nhân sinh. Lại nữa, khi ẩn rút vào im lặng, chúng ta hoàn toàn đơn độc để nhìn vào bên trong chúng ta, vào bản chất thật sự của chúng ta, tự quán chiếu, để tận tường thấu hiểu chúng ta như thật sự chúng ta là như vậy. Chừng đó ta có thể học được phương cách vượt qua những khuyết điểm và giới hạn của cuộc sống bình thường. Hàng cư sĩ tại gia, vì nhu cầu xã hội, cần phải nói năng lịch thiệp trong câu chuyện giao dịch hằng ngày. Mặc dầu vậy, Đức Phật dạy không nên lơ đãng đi quá xa, vì người chú nguyện đi trên con đường giải thoát phải hết sức thận trọng phân biệt điều nào sẽ dẫn đi đâu, và phải luôn luôn chuyên cần canh chừng "anh chàng nói láo" sâu ẩn lẫn trốn bên trong chúng ta một cách rất kín đáo.

Người nghiêm túc trì giới vọng ngữ không nói lời nhảm nhí vô ích.

Vào thời Đức Phật có tên sát nhân khát máu nọ gia nhập vào đảng cướp, gây nhiều tội ác và về sau trở thành đao phủ thù của triều đình. Nhờ Đức *Sāriputta* (Xá Lợi Phất) cảm hóa, tánh tình anh đổi hẳn từ hung tàn bạo ngược trở nên hiền lành lương thiện, và sau khi chết, tái sanh vào cõi Trời. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ anh tái sanh tốt đẹp là nhờ lời khuyên hữu hiệu đượm nhuần từ bi của bậc đạo đức cao thượng, và Ngài dạy:

*"Chỉ một lời nói hữu ích làm cho người nghe an tịnh, còn quý hơn ngàn tiếng nói vô bổ."*  
(Kinh Pháp Cú, câu 100)

Không phải nói nhiều mà chứng tỏ rằng mình học rộng biết nhiều. Cũng không phải nói nhiều mà mình tạo nhiều lợi ích cho mình hoặc cho ai khác. Kinh sách Tây Tạng có lời dạy rằng nói nhiều lắm khi đưa đến hậu quả tai hại, như trường hợp con két, vì ham nói mà phải chịu cảnh chim lồng.

5. "*Surā-merayā-majja-pamādatṭhāna veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi*" - Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự dễ dãi uống rượu và các chất say.

**Không dùng chất say**, tức không uống rượu mạnh và không dùng bất luận chất say nào, như ma túy chẳng hạn, có thể làm cho trí não lu mờ, mất sáng suốt. Mặc dầu uống chút rượu

không đến đổi là một tệ hại trọng đại, phần lớn các trường hợp, người uống rượu không biết đến lúc nào phải ngừng, và khi đã quá chén rồi thì mất lý trí, không còn kiểm soát lời nói và hành động của mình nữa. Từ đó, người uống quá chén có thể phạm bất cứ giới nào khác mà bình thường mình vẫn cố gắng gìn giữ.

Có câu chuyện thuật rằng một chàng kia, sau khi ăn học thành tài, từ phương xa trở về quê nhà, đi ngang qua một thành phố nọ nghe tiếng đồn nơi đây có một đền đài vô cùng đẹp đẽ, bên trong lại có nhạc kịch mê ly. Anh lần mò tìm đến và xin vào.

Ở một cửa nọ người ta bảo anh rằng muốn vào cũng được, nhưng trước đó phải giết một con vật sẵn có ở phía trong. Anh nghĩ thầm, "xem cung điện và nghe âm nhạc thì rất thích thú. Nhưng phải giết một sinh mạng để mua vui thì không đành". Anh từ chối không xin vào, và tìm đến cửa khác. Nơi đây anh được cho biết rằng muốn vào cửa phải có hành động trộm cắp. Anh không chịu. Qua cửa thứ ba người ta bắt buộc anh phải làm điều tà dâm trước khi được vào, và cửa thứ tư, phải nói vọng ngữ. Anh cũng từ chối luôn. Đến cửa thứ năm, nhỏ hơn bốn cửa kia, anh được biết rằng muốn vào thì phải uống rượu. Anh không chịu. Nhưng người gác cửa nài nỉ rằng uống chút ít rượu thì không hại gì ai, mà được xem cung điện và được nghe âm nhạc thì thật là thú vị, và mời anh nếm thử một giọt rượu, chỉ một giọt thôi. Anh nghĩ thầm, "uống rượu là một tội xấu. Nhưng nếm thử một giọt thì cũng không đến đổi là lỗi lầm trọng đại. Ta hãy thử một chút xem sao." Anh chàng liền bằng lòng nếm thử. Thấy ngon miệng mà không có chi hại, anh liền nhắm thêm một hộp nữa, rồi một hộp nữa. Ngon miệng, anh uống một hồi đến quá chén. Và lúc bấy giờ thì, mắt bình tinh, kém sáng suốt, không tự kiềm chế được, anh hăng hái lần lượt làm những điều mà trước kia anh biết là xấu xa tội lỗi và đã can đảm cương quyết từ chối.

Anh chàng phạm bao nhiêu lỗi lầm chỉ vì xem thường một giọt rượu.

Trên đây là năm giới căn bản và tối thiểu mà người Phật tử tự nguyện nghiêm trì. Người đã giữ gìn trong sạch năm giới này là một phước lành cho những ai sống quanh mình, mà cũng tạo thiện nghiệp cho chính mình. Người ấy sẽ tái sanh vào những cảnh giới nhân lạc và thọ hưởng quả lành.

Tuy nhiên đó chưa phải là mục tiêu cứu cánh của người tu Phật vì vẫn chưa thoát ra khỏi những kiếp sống trong vòng luân hồi, mà chỉ thọ hưởng những phần thưởng thù lượm dọc theo con đường dài dang đưa đến Niết Bàn.

Ta nên thận trọng ghi nhận rằng giới (*sīla*) không phải là mục tiêu cứu cánh mà chỉ là phương tiện để thành đạt mục tiêu. Mục tiêu là giải thoát. Toàn thể giáo huấn mà Đức Thế Tôn truyền dạy và đã được ghi chép trong ba Tạng (Kinh, Luật, Luận) đều chỉ nhằm vào mục tiêu tối hậu là Giải Thoát. Trong bài kinh Atula Pahārāda, chương IX, Aṅguttara Nikāya (Tăng Nhứt A Hàm), Đức Phật tuyên ngôn:

*"... Nayy Pahārāda, cūṃ nư biểṃ cả mềṃ mông chỉ có một vị là vị mặṃ, cūṃ thề ấy, Giáo Pháp này chỉ có một mùi là mùi Giải Thoát".*

Đầu trong Tạng Luật, Tạng Kinh, hay Tạng Luận, đầu bài kinh dài hay ngắn, đầu là những lời dạy cho hàng sơ cơ hay những giáo huấn cao thâm, tất cả đều nhằm vào mục tiêu duy nhất là giải thoát ra khỏi mọi hình thức khổ đau của những kiếp sống vô thường và vô ngã. Tuy nhiên, không thể có sự bỗng nhiên giải thoát, hay giải thoát từng đoàn từng nhóm, mà chỉ có công trình chuyên cần tu niệm của từng cá nhân, và do công phu tu niệm cá nhân ấy, mỗi người tiệm tiến thành đạt giải thoát cho riêng mình. Đức Thế Tôn dạy:

*"Nayy Pahārāda, cūṃ nư đại dương hùng dũng, từ trong bờ đưa ra sâu dần dần, bãi cát thấp xuống dần dần, xuống từng bậc sâu dần dần, và không có sự bỗng nhiên sụp xuống vực sâu,*

*cùng thể ấy, trong Giáo Pháp này có công trình tu tập tiến triển dần dần, có sự thực hành cao lên dần dần, có phương pháp tiến bộ dần dần, mà không có sự bỗng nhiên giác ngộ."*

Năm giới căn bản là nền tảng của Giáo Pháp. Vững vàng trên căn bản này, người Phật tử thuần thành cố gắng dần dần tiến bước.

Đối với người thường, mỗi khi có thêm một nguồn lợi vật chất thì vui sướng. Có thêm tiền là hạnh phúc. Có thêm tài sản là hạnh phúc. Có thêm danh vọng, quyền thế là hạnh phúc v.v... Nhưng đối với những ai quyết tâm hướng về giải thoát như quý vị tỳ khuru chân chánh, mỗi khi dứt bỏ, không còn luyến ái một vật gì là hạnh phúc. Mỗi khi các Ngài dứt bỏ, không còn luyến ái, không còn nghĩ ngợi đến tài sản, sự nghiệp, danh vọng, quyền thế, không màng đến lợi lộc trần gian là hạnh phúc.

Bát Quan Trai Giới là phương pháp tu tập nhằm tiến dần từ "tạo thiện nghiệp" của ngũ giới đến "tâm buông bỏ". Hàng ngày chúng ta sống với năm giác quan. Từ lâu rồi, giác quan của chúng ta đòi hỏi được thỏa mãn. Mắt muốn thấy hình sắc đẹp, tai muốn nghe âm thanh êm dịu, mũi muốn hửi mùi thơm, lưỡi muốn nếm vị ngon ngọt, và thân muốn có những cảm giác thích thú. Từ lâu rồi, chúng ta đã hết sức cố gắng, tận dụng tâm trí và năng lực để thỏa mãn năm giác quan.

Nhưng khi đã nhận định rằng, "triu mến và tham dục sanh sầu muộn, triu mến và tham dục sanh lo sợ. Người đã trọn vẹn dập tắt tham dục và triu mến không còn sầu muộn, càng ít lo sợ", người Phật tử chân chánh cố gắng thêm ba giới nữa vào năm giới căn bản là:

**6. Không ăn sai giờ,** tức từ buổi Ngọ đến sáng hôm sau, không dùng vật thực, chỉ uống mà không ăn.

**7. Không múa hát, đờn kèn, hay xem múa hát, nghe đờn kèn và trang điểm thoa dầu, đòi phẩn và đeo tràng hoa.**

**8. Không nằm ngời nơi quá cao và xinh đẹp.**

Theo pháp Bát Quan Trai Giới, giới thứ ba của ngũ giới -- không tà dâm -- trở thành không hành dâm, có nghĩa là chẳng những không lang chạ phóng túng mà trong lối sống giữa vợ và chồng, người thọ giới phải giữ gìn trong sạch như người hoàn toàn độc thân, trong ngày thọ Bát Quan.

Đó là phương pháp tu tập nhằm dần dần làm chủ giác quan của mình, không còn làm nô lệ cho nhục dục ngũ trần, không để cho cơ thể vật chất sai khiến. Mắt ta muốn coi hát, coi vũ, tai muốn nghe đờn kèn và ca hát, mũi muốn hửi nước hoa, lưỡi muốn ăn ngon ngày ba bữa, thân muốn được chăm sóc, trang điểm, tính dâm dục đòi hỏi được thỏa mãn v.v... Người Phật tử thọ trì Bát Quan Trai Giới tự nguyện ngày đêm cố gắng làm chủ, hoàn toàn kiểm soát giác quan của mình, và như vậy tiến dần đến "tâm buông bỏ" của các bậc xuất gia cao thượng -- mười giới của hàng sa-di, và 227 giới của bậc tỳ khuru.

Một vị tỳ khuru phải giữ bốn loại Giới Luật Cao Thượng (Tứ Thanh Tịnh Giới) là:

- \* Giới Bổn, giới luật căn bản;
- \* Giới Luật liên quan đến công trình thu thúc lục căn;
- \* Giới Luật liên quan đến đời sống trong sạch (chánh mạng);
- \* Giới Luật liên quan đến việc xử dụng những vật cần thiết cho đời sống (tứ vật dụng).

Thoảng nhìn qua, người không quen thuộc với giới luật trong Phật Giáo có thể nghĩ rằng "Giới" chỉ được trình bày dưới hình thức tiêu cực, những gì không nên làm. Tuy nhiên giới luật trong Phật Giáo cũng bao hàm ý nghĩa tích cực. Thí dụ như khi dạy "không nên" nói dối, nói đâm thọc, nói thô, nói nhảm cũng hàm ý là "nên" nói lời chân thật, nói những lời đem lại tinh thần hòa hợp, những lời thanh tao nhã nhặn và hữu ích v.v... Đó là sắc thái tích cực.

Khi ban hành những giới luật, không phải Đức Phật hàm ý rằng chỉ cần tránh những hành động bất thiện là đủ, mà đó là tuân tự diễn tiến một cách hợp lý để giữ thân tâm trong sạch, cũng như câu Kinh Pháp Cú số 183 dạy:

*Sabbapāpassa akaraṇaṃ -- kusalassa upasampadā  
Sacittapariyodapaṇaṃ -- etaṃ buddhāna sāsanaṃ.*

*Tránh những điều ác, làm những việc lành  
Thanh lọc tâm. Đó là giáo huấn của chư Phật*

*[Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành,  
Tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo]*

Trong lời dạy này, phần đầu, "tránh những điều ác" có tính cách tiêu cực. Hai phần sau, "làm những việc lành" và "thanh lọc tâm" là tích cực. Hai phần sau -- làm những việc lành và thanh lọc tâm -- chỉ có thể thành tựu viên mãn nếu phần đầu -- tránh những điều ác -- được hoàn tất.

Khi phân lời dạy trên làm ba giai đoạn, Đức Phật không nhắm vào thứ tự thời gian mà vì đó là điều hợp lý: không phải làm xong giai đoạn lánh xa các hành động bất thiện rồi mới bắt đầu giai đoạn làm các việc lành và thanh lọc tâm.

Tâm lý học Phật Giáo dạy rằng trong khi ta cố tránh để khỏi phạm một giới nào, tác ý quan trọng của chấp tư tưởng "quyết định" dĩ nhiên là tự kềm chế, tự hạn định, kiên cố, tránh không làm việc ấy -- sắc thái tiêu cực. Nhưng chung quanh chấp tư tưởng ấy còn có bao nhiêu chấp tư tưởng khác thật sự tích cực. Thí dụ như khi ta cố gắng để tránh khỏi phạm giới sát sanh, chấp tư tưởng chánh yếu là "đừng", "cố tránh", không sát sanh -- phần tiêu cực. Nhưng trong lúc ấy cũng có những chấp tư tưởng khác đồng khởi sanh cùng lúc như tâm từ, tâm bi, lòng quảng đại khoan hồng v.v... và đó rõ ràng là những tư tưởng thật sự tích cực.

Lại nữa, nghiêm túc trì giới cũng có nghĩa là vô úy thí (*Abhaya Dāna*. *Dāna* là bố thí. *Abhaya* là không sợ hãi) bố thí sự an toàn, tình trạng không lo sợ cho người khác. Có ai thích sống chung với người ăn nói giả dối, người có tánh "đâm bị thọc rồi chọc bị gao", đi đâu này nói xấu đâu kia rồi trở lại đâu kia gièm pha đâu này. Có ai thích lân cận với người thô lỗ cộc cằn, với hạng người sát sanh, trộm cắp, lãng loạn, say sưa hư hỏng không? Chắc là không. Tại sao? Vì gần họ ta không cảm thấy an toàn, phải luôn luôn lo sợ, lúc nào cũng phải đề phòng. Như vậy ta thích ở gần những người được xem là chỉ có những đức tánh tiêu cực, vì những người này không làm cho mình lo âu sợ sệt. Nói cách khác, người giữ giới trong sạch bố thí trạng thái an toàn cho những ai sống quanh mình.

Bản Tam Tạng Chú Giải xem danh từ *sīla*, giới, đồng nghĩa với *samadhāna*, hòa điệu, điều hòa, nhiếp nhãng hòa hợp. Đây là lối sống hòa điệu với chính mình và với người khác, trên bình diện xã hội, tâm lý, nghiệp báo cũng như trong công phu hành thiền của mình. Người không bao giờ làm tổn thương sự sống của bất luận chúng sanh nào mà luôn luôn nâng đỡ, giúp cho luồng sống của mọi chúng sanh trôi chảy suôn sẻ, người không trộm cắp mà luôn luôn mở rộng tâm quảng đại bố thí, người không lang chạ phóng túng mà luôn luôn có đời sống gia đình trong sạch, người luôn luôn chân thật, luôn luôn thanh nhã, luôn luôn có lời nói hữu ích và đem lại tình trạng hòa hợp, người như thế chắc chắn tạo cuộc sống nhiếp nhãng hòa hợp trong gia đình, đem lại tình trạng điều hòa cho sự giao dịch giữa người và người trong một xã hội mà quyền lợi cá nhân quả thật khác biệt với nhau, đôi khi còn đối nghịch.

Về phương diện tâm lý, người nghiêm trì giới đức tránh cho mình những xung đột tâm trí do tội lỗi gây nên -- những nỗi khổ khi bị lương tâm cắn rứt -- và nhờ đó, tâm trí được điều hòa, an lạc.

Đối với nghiệp báo, người giữ giới trong sạch có những hành động và lời nói nhứt nhàng, hòa hợp với định luật nhân quả thiên nhiên của vũ trụ, và điều này tạo những hậu quả thuận lợi cho cuộc sống tương lai trong vòng luân hồi.

*Thực hành giới luật một cách tiêu cực là không tạo nghiệp bất thiện, vì thân khẩu trong sạch, và phần nào tránh cho ý có những tư tưởng uế trước tội lỗi. Trì giới trên phương diện tích cực là tạo thiện nghiệp, tạo những điều kiện thuận lợi, những hoàn cảnh khả dĩ nâng đỡ ta trên con đường, từ kiếp này sang kiếp khác, cho đến ngày về vãng thành tựu Đạo Quả Niết Bàn.*

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [00](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#)

*Chân thành cảm ơn Bác Phạm Kim Khánh đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 12-2004)*

**[[Trở về trang Thư Mục](#)]**

*last updated: 30-12-2004*